

Số: 809 /KH-VKS

Yên Bái, ngày 20 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổ chức sơ kết công tác kiểm sát 6 tháng đầu năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái

Thực hiện Kế hoạch số 66/KH-VKSTC ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 trong ngành Kiểm sát Yên Bái như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát Yên Bái trong 6 tháng đầu năm 2021; phân tích những kết quả đạt được trong từng lĩnh vực và chỉ tiêu công tác; những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm.

- Thông qua việc sơ kết giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đánh giá được thực chất kết quả công tác kiểm sát của các đơn vị; nhất là các tồn tại, hạn chế để từ đó có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp, hiệu quả, nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác kiểm sát trong 6 tháng cuối năm và cả năm 2021.

2. Yêu cầu

- Đánh giá trung thực, chính xác, khách quan, toàn diện việc triển khai và kết quả thực hiện tất cả các nhiệm vụ, yêu cầu theo chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao; đối chiếu với những chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong Kế hoạch công tác năm 2021 của VKSND tỉnh. Xác định đúng nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, đơn vị dẫn đến những chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa hoàn thành, chưa bảo đảm tiến độ, để xảy ra hạn chế, yếu kém; đề ra các biện pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục và hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

- Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng các báo cáo, tài liệu và các điều kiện bảo đảm để tổ chức sơ kết công tác đạt kết quả tốt. Nội dung trao đổi, thảo luận tại Hội nghị sơ kết phải đúng trọng tâm, tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của của toàn ngành.

- Tổ chức sơ kết phải bảo đảm đúng Kế hoạch, thiết thực và hiệu quả; thực hiện nghiêm yêu cầu, quy định về phòng, chống đại dịch Covi-19.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Nội dung sơ kết

1.1. Trên cơ sở quy định của pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Quốc hội; Chỉ thị 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao, Kế hoạch công tác số 71/KH-VKS ngày 15/01/2021 của VKSND tỉnh, các kế

hoạch, chương trình công tác của các đơn vị để tổ chức kiểm điểm, đánh giá toàn diện kết quả các mặt công tác trong 6 tháng đầu năm 2021 của mỗi đơn vị và toàn ngành kiểm sát Yên Bái.

Các đơn vị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; nêu những giải pháp thiết thực, hiệu quả, những cách làm hiệu quả; nhận định, đánh giá sâu những thành tích nổi bật, kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác đột phá; những nhiệm vụ, chỉ tiêu còn hạn chế, đạt thấp, hoặc chưa thực hiện; những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện nhiệm vụ; phân tích nguyên nhân; đồng thời đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, tháo gỡ những vướng mắc.

2.2. Xác định các nhiệm vụ cần thiết, trọng tâm và đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể để hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ công tác; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành trong 6 tháng cuối năm 2021.

2.3. Báo cáo của các đơn vị phải nêu rõ: Việc đề ra và thực hiện những biện pháp, cách làm hiệu quả; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị đề xuất.

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện báo cáo rõ sự chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn nghiệp vụ của các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, trong đó chỉ rõ những mặt được, chưa được và đề xuất giải pháp khắc phục.

Các đơn vị cấp phòng thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, ngoài nêu kết quả công tác của đơn vị, phải đánh giá kết quả công tác chung của toàn ngành thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách, việc trả lời thỉnh thị và hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp huyện, những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện nhiệm vụ; nêu rõ những Viện kiểm sát cấp huyện điển hình làm tốt và chưa làm tốt để chỉ đạo rút kinh nghiệm chung.

2. Phân công xây dựng các báo cáo, tài liệu phục vụ sơ kết công tác

- Văn phòng tổng hợp VKSND tỉnh xây dựng Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của ngành và các tài liệu phục vụ Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Các đơn vị thuộc VKSND tỉnh và VKSND cấp huyện xây dựng Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của đơn vị (*theo Đề cương và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*).

- Các đơn vị thuộc VKSND tỉnh, các VKSND cấp huyện chủ động chuẩn bị báo cáo tham luận để thảo luận tại Hội nghị. Nội dung tham luận tập trung vào việc thực hiện những biện pháp, cách làm hiệu quả; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn công tác của đơn vị; đề xuất, kiến nghị nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành trong 6 tháng cuối năm 2021 và trong thời gian tới.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của VKSND tỉnh

3.1. Hình thức, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị:

- Hình thức: Trực tiếp tại VKSND tỉnh và trực tuyến đến VKSND cấp huyện.

- Thời gian: 1/2 ngày, dự kiến từ ngày 28/6/2021 đến 02/7/2021 (thời gian chính thức sẽ có giấy triệu tập sau).

- Địa điểm: - Hội trường tầng 4 (điểm cầu) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;

- Các điểm cầu Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, tỉnh Yên Bái.

b) Thành phần dự hội nghị:

- Tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh: Các đồng chí lãnh đạo VKSND tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Viện trưởng VKSND cấp huyện; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, chuyên viên VKSND tỉnh.

- Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Các đồng chí Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và chuyên viên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời điểm lấy số liệu báo cáo: từ ngày 01/12/2020 đến hết ngày 31/5/2021.

2. Thời hạn gửi các thống kê, báo cáo, tài liệu

- Đối với báo cáo thống kê:

Các đơn vị hoàn thành việc thu thập, tổng hợp số liệu kỳ thống kê tháng 5/2021 và truyền, gửi số liệu **trước 16 giờ ngày 01/6/2021**; truyền gửi thống kê 6 tháng đầu năm 2021 **trước 16h ngày 02/6/2021** về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (qua Văn phòng tổng hợp).

- Đối với Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021: Các đơn vị xây dựng báo cáo theo Đề cương và Phụ lục, gửi về Văn phòng VKSND tỉnh **trước 16h ngày 03/6/2021**.

- Các đơn vị xây dựng tham luận gửi về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (qua Văn phòng tổng hợp) trước ngày **10/6/2021**.

- Văn phòng VKSND tỉnh có trách nhiệm xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của toàn ngành, hoàn thành **trong ngày 06/6/2021**.

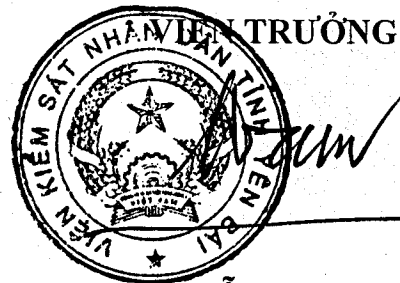
3. Công tác phục vụ, hậu cần

Văn phòng tổng hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát hành giấy triệu tập hội nghị, chuẩn bị về hậu cần và các điều kiện phục vụ hội nghị.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này. /*Đ*

Nơi nhận: /*Đ*

- VKSNDTC (Văn phòng);
- Các đ/c lãnh đạo Viện;
- Các phòng VKSND tỉnh (08);
- Các VKSND cấp huyện (09);
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Hoài Nam



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021

A. ĐỐI VỚI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của các Viện kiểm sát địa phương thực hiện theo Mẫu báo cáo sơ kết công tác (Mẫu số 41) ban hành theo Quyết định số 386/QĐ-VKSTC ngày 10/10/2017 về việc ban hành Hệ thống mẫu báo cáo tổng hợp. Quá trình xây dựng báo cáo chú ý một số nội dung sau:

1. Kết quả công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ

Nội dung báo cáo sơ kết công tác phải bám sát những yêu cầu, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao tại Chỉ thị công tác số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 và Kế hoạch công tác số 71/KH-VKS ngày 15/01/2021 của VKSND tỉnh Yên Bái, các chỉ thị chuyên đề, các thông báo, công văn chỉ đạo, Hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản. Trong mỗi lĩnh vực công tác cần tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Những đổi mới trong công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Chỉ thị công tác năm 2021 của Viện trưởng VKSND tối cao, các chỉ đạo của VKSND tối cao; Kế hoạch công tác năm 2021 của VKSND tỉnh, kế hoạch, chương trình công tác của đơn vị đã đề ra. Báo cáo rõ kết quả:

+ Triển khai, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đơn vị được giao theo Chỉ thị công tác số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020.

+ Triển khai, thực hiện các chỉ thị chuyên đề của Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành những năm qua, nhất là các chỉ thị ban hành năm 2020 và đầu năm 2021; những chỉ đạo khác của Viện trưởng và Phó Viện trưởng VKSND tối cao.

- Đánh giá kết quả công tác phải bám sát quy định, yêu cầu của pháp luật, quy chế, quy định và Hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản của Ngành, các chỉ tiêu, nhiệm vụ Quốc hội giao cho Ngành, so sánh với cùng kỳ năm 2020.

- Đánh giá khái quát tình hình vi phạm trong hoạt động tư pháp tại địa phương; nêu vi phạm điển hình phát hiện thông qua kiểm sát (dạng vi phạm, nội dung vi phạm và số lần vi phạm). Những biện pháp tác động, xử lý của Viện kiểm sát (kháng nghị, kiến nghị,...) kết quả tiếp thu, sửa chữa, khắc phục của cơ quan chức năng; đánh giá về hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm sát.

- Nêu rõ những hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nguyên nhân những kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém. Những biện pháp, giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém và hoàn thành nhiệm vụ công tác năm 2021.

2. Kết quả thực hiện công tác khác

Đánh giá kết quả thực hiện công tác trên cơ sở những chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao tại Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020, các chỉ thị chuyên đề và các thông báo ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác xây dựng Ngành, nhất là về: công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, công tác tổ chức, cán bộ; ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua khen thưởng; tuyên truyền.

Nêu rõ những đổi mới nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong chỉ thị, chương trình, kế hoạch đã đề ra; các biện pháp đề cao trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị, Kiểm sát viên,...; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cụ thể của người đứng đầu đơn vị nhằm bảo đảm thực hiện tốt phương “*Đoàn kết, đổi mới - Trách nhiệm, kỷ cương - Thực chất, hiệu quả*”.

3. Đánh giá chung

3.1. Những ưu điểm

Nêu rõ những chuyển biến thực chất, những kết quả nổi bật trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

3.3. Một số biện pháp hay, cách làm tốt; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất

- a) Một số biện pháp hay, cách làm tốt (khái quát những biện pháp, cách làm nổi bật)
- b) Những khó khăn, vướng mắc
- c) Kiến nghị, đề xuất

Các đơn vị tổng hợp, nêu đầy đủ những kiến nghị theo khâu công tác, nhóm nội dung: quản lý, chỉ đạo, điều hành; tổ chức, cán bộ; hướng dẫn, thi hành pháp luật; công tác kiểm tra, thanh tra; bảo đảm điều kiện hoạt động; ứng dụng công nghệ thông tin;... (nếu nhiều nội dung thì xây dựng thành phụ lục kèm theo báo cáo). Nêu cụ thể nội dung cần kiến nghị, đề xuất với Viện trưởng VKSND tối cao, với Đảng, Quốc hội,...

4. Đề xuất nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 của Ngành

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, pháp luật; căn cứ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quốc hội; Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao, các chỉ thị chuyên đề, chỉ đạo khác và kết quả công tác 6 tháng đầu năm 2021 của mỗi đơn vị và toàn Ngành, tham mưu, đề xuất những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2021 của toàn Ngành.

B. ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG THUỘC VKSND TỈNH

Các đơn vị trực thuộc VKSND tỉnh căn cứ vào bố cục, nội dung hướng dẫn đối với Viện kiểm sát cấp huyện (nêu trên) về những vấn đề có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao để xây dựng Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2021 của đơn vị.

Ngoài ra, Báo cáo sơ kết của các phòng thuộc VKSND tỉnh phải nêu, phân tích một số nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình, kết quả công tác chung của toàn ngành thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách thông qua kết quả công tác của đơn vị 6 tháng đầu năm 2021.

2. Nêu rõ những Viện kiểm sát cấp huyện điển hình làm tốt và Viện kiểm sát chưa làm tốt công tác thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách, quản lý, theo dõi (mỗi loại nêu ít nhất 3 đơn vị) để rút kinh nghiệm.

3. Chú ý đánh giá về công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ của các đơn vị thuộc VKSND tối cao và VKSND cấp cao đối với VKSND cấp tỉnh; nêu rõ những mặt được, chưa được và đề xuất kiến nghị; nêu cụ thể những đơn vị làm tốt; chưa làm tốt trong mỗi lĩnh vực công tác này (*yêu cầu bắt buộc*).

4. Trên cơ sở kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, phân tích, đánh giá việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

5. Tình hình vi phạm về hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp các cấp, yêu cầu mỗi đơn vị tổng hợp, báo cáo bằng số liệu cụ thể, có phân tích, đánh giá ít nhất 03 vi phạm điển hình thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý trong phạm vi toàn tỉnh và có so sánh với cùng kỳ năm 2020.

6. Kết quả công tác tổng kết thực tiễn; hướng dẫn áp dụng pháp luật; theo dõi, quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra đối với Viện kiểm sát cấp huyện.



PHỤ LỤC

Chỉ tiêu cơ bản đánh giá công tác nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái 6 tháng đầu năm 2021

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|----------|---|--|--|---------|
| I | Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố | | | |
| 1 | 1 | Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. | 100% | |
| 2 | 2 | Tỷ lệ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết đúng thời hạn. | 100% | |
| 3 | 3 | Ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. | 100% | |
| 4 | 4 | Ban hành yêu cầu kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ đối với những vụ việc có dấu hiệu tội phạm tham nhũng, kinh tế làm thất thoát, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. | 100% | |
| 5 | 5 | Ban hành yêu cầu hoặc tự ra quyết định xử lý, giải quyết khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật. | 100% | |
| 6 | 6 | Trực tiếp thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật. | 100% | |
| 7 | 7 | Trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết, lập hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. | ≥ 01 lần /01 năm | |
| 8 | 8 | Ban hành văn bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. | ≥ 01 kiến nghị /01 năm. | |
| 9 | 9 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 01 thông báo/01 năm. | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|---|----------|--|--|---------|
| II Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố | | | | |
| 10 | 1 | Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự từ khi khởi tố vụ án. | 100% | |
| 11 | 2 | Tỷ lệ số người bị bắt, tạm giữ về hình sự chuyển khởi tố. | ≥ 98% | |
| 12 | 3 | Tỷ lệ khởi tố đối với các trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đã được Viện kiểm sát phê chuẩn gia hạn tạm giữ. | 100% | |
| 13 | 4 | Tham gia hoặc trực tiếp lấy lời khai, gặp hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi xem xét phê chuẩn. | 100% | |
| 14 | 5 | Ban hành bản yêu cầu điều tra (trên tổng số vụ án thụ lý). | ≥ 90% | |
| 15 | 6 | Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát được Cơ quan điều tra chấp nhận, thực hiện. | 100% | |
| 16 | 7 | Yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong những vụ án về tham nhũng, kinh tế, chức vụ khi có đủ căn cứ, để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt. | 100% | |
| 17 | 8 | Yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp ban hành quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can khi có đủ căn cứ nhưng Cơ quan điều tra không khởi tố. | 100% | |
| 18 | 9 | Trực tiếp hoặc tham gia hỏi cung bị can. | 100% | |
| 19 | 10 | Tỷ lệ giải quyết án trong giai đoạn điều tra đúng thời | 100% | |

| STT | | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|----|--|---------------------------------------|--|---------|
| | | hạn. | | | |
| 20 | 11 | Tỷ lệ giải quyết án của Viện kiểm sát. | $\geq 98\%$ | | |
| 21 | 12 | Đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội; đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự nhưng không đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | 0% | | |
| 22 | 13 | Tỷ lệ án Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | $\leq 2\%$ | | |
| 23 | 14 | Tỷ lệ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | $\leq 2,5\%$ | | |
| 24 | 15 | Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có đủ căn cứ. | 100% | | |
| 25 | 16 | Ban hành quyết định truy tố: | | | |
| | | a) Đúng thời hạn; | 100% | | |
| | | b) Đúng tội danh. | 100% | | |
| 26 | 17 | Xác định án trọng điểm. | ≥ 02 vụ/ 01 năm. | | |
| 27 | 18 | Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn khi có đủ điều kiện. | 100% | | |
| 28 | 19 | Ban hành văn bản kiến nghị yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm pháp luật điều tra. | ≥ 01 kiến nghị /01 năm. | | |
| 29 | 20 | Tỷ lệ văn bản kiến nghị được Cơ quan điều tra chấp nhận, tiếp thu. | $\geq 90\%$ | | |
| 30 | 21 | Ban hành văn bản kiến nghị xử lý, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. | ≥ 01 kiến nghị /01 năm. | | |

| STT | | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|--|----|--|---------------------------------------|--|---------|
| 31 | 22 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | | |
| 32 | 23 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 02 thông báo/01 năm | | |
| III Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự | | | | | |
| 33 | 1 | Ban hành yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ, để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt. | 100% | | |
| 34 | 2 | Kiểm sát biên bản phiên tòa (Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phải lập biên bản kiểm tra biên bản phiên tòa ngay sau khi phiên tòa kết thúc). | 100% | | |
| 35 | 3 | Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy bản án, quyết định để điều tra, xét xử lại có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | 0% | | |
| 36 | 4 | Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội. | 0% | | |
| 37 | 5 | Viện kiểm sát cấp dưới gửi các bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án cùng cấp đến Viện kiểm sát cấp trên đúng thời hạn. | 100% | | |
| 38 | 6 | Kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. | 100% | | |
| 39 | 7 | <i>Số lượng kháng nghị:</i> a) Kháng nghị của Viện kiểm sát ngang cấp với Tòa án cấp sơ thẩm: Tỷ lệ giữa số kháng nghị phúc thẩm ngang cấp trên số bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa | ≥ 25% | | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------------|--|---------|
| | <p>án cấp phúc thẩm tuyên sửa hoặc huỷ do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát.</p> <p>b) Kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên:</p> <p>- Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện <i>trên</i> tổng số các vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa hoặc huỷ án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát.</p> | $\geq 15\%$ | | |
| 40 | <p>8</p> <p>Chất lượng kháng nghị phúc thẩm:</p> <p>- Kháng nghị của Viện kiểm sát ngang cấp: Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm trong bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp mà được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị <i>trên</i> tổng số bị cáo trong bản án, quyết định</p> | $\geq 85\%$ | | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|---|--|---|---|---------|
| | <p>của Tòa án mà Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm ngang cấp.</p> <p>- Kháng nghị cấp trên: Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm sau đó được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử.</p> <p>- Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát rút có kháng nghị phúc thẩm (kể cả rút tại phiên tòa) và số bị cáo Tòa án không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm Viện kiểm sát trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm.</p> | <p>≥ 70%</p> <p>≤ 20%</p> | | |
| <p><i>Lưu ý: Các chỉ tiêu trên (chất lượng kháng nghị phúc thẩm-44.8) áp dụng đối với kháng nghị về tội danh, hình phạt, thủ tục tố tụng, trách nhiệm dân sự, ... trong bản án, quyết định sơ thẩm.</i></p> | | | | |
| 41 | 9 | Phối hợp với Tòa án tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm. | 01 Kiểm sát viên ≥ 02 phiên tòa /01 năm. | |
| 42 | 10 | Lãnh đạo Viện kiểm sát trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự. | 01 lãnh đạo Viện phụ trách ≥ 01 phiên tòa/01 năm. 01 lãnh đạo Viện ≥ 02 phiên tòa /01 năm. | |
| 43 | 11 | Ban hành văn bản kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật. | ≥ 01 kiến nghị/01 năm. | |
| 44 | 12 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | |
| 45 | 13 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 04 thông báo /04 quý. | |
| IV | Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự | | | |
| 46 | 1 | Tỷ lệ phát hiện và yêu cầu, xử lý giải quyết những trường hợp tạm giữ quá hạn, tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật. | 100% | |
| 47 | 2 | Tỷ lệ phát hiện và yêu cầu, xử lý các trường hợp quá | 100% | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|---|--|--|---------|
| | hạn tạm giam, tạm giam, giam không có căn cứ, trái pháp luật. | | | |
| 48 | 3 | Số người bị vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ, tạm giam có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | 0 | |
| 49 | 4 | Kiểm sát các quyết định thi hành án của Tòa án. | 100% | |
| 50 | 5 | Kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị giảm, rút ngắn hình phạt và biện pháp tư pháp. | 100% | |
| 51 | 6 | Kiểm sát quyết định miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách, tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án. | 100% | |
| 52 | 7 | Đề nghị miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách, tha tù trước thời hạn có điều kiện được Tòa án chấp nhận. | ≥ 80% | |
| 53 | 8 | Yêu cầu bắt thi hành án hình sự số người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, không tự nguyện thi hành án và đã có đủ điều kiện bắt để bảo đảm thi hành đúng thời hạn. | 100% | |
| 54 | 9 | Trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự. | Nhà tạm giữ CA huyện; Trại tạm giam CA tỉnh ≥ 01 lần/01 quý | |
| | | | Cơ quan thi hành án hình sự ≥ 01 lần/01 năm | |
| | | | Trại giam đóng trên địa bàn ≥ 02 lần/01 năm | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|----------|--|---|---|---------|
| | | ≥ 50% số UBND cấp xã có bị án đang thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện | | |
| 55 | 10 | Ban hành kháng nghị, kiến nghị. | ≥ 02 kiến nghị hoặc kháng nghị /01 năm. | |
| 56 | 11 | Kháng nghị, kiến nghị được chấp nhận, tiếp thu. | a) ≥ 90% kiến nghị; b) 100% kháng nghị quyết định, hành vi, yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ, chấm dứt vi phạm. | |
| 57 | 12 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | |
| 58 | 13 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 02 thông báo/01 năm | |
| V | Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; vụ án hành chính, vụ việc KDTM, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật | | | |
| 59 | 1 | Kiểm sát thụ lý, giải quyết các vụ, việc ngay từ khi Tòa án thụ lý. | 100% | |
| 60 | 2 | Kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Tòa án. | 100% | |
| 61 | 3 | Ban hành yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ đối với những vụ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. | 100% | |
| 62 | 4 | Kiểm sát viên kiểm sát tại phiên tòa, phiên họp mà Viện kiểm sát phải tham gia theo quy định. | 100% | |
| 63 | 5 | Kiểm sát viên tham gia phiên tòa lập biên bản kiểm tra biên bản phiên tòa ngay sau khi phiên tòa kết thúc | 100% | |
| 64 | 6 | Số bản án, quyết định Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | 0% | |

| STT | | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|----|---|---------------------------------------|--|---------|
| 65 | 7 | Số bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án mà Viện kiểm sát cấp dưới gửi đến Viện kiểm sát cấp trên đúng hạn. | 100% | | |
| 66 | 8 | Kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm. | 100% | | |
| 67 | 9 | Số lượng kháng nghị: Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát đối với bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp <i>trên</i> số bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa hoặc huỷ do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | ≥ 20% | | |
| | | Số lượng kháng nghị: -Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp huyện <i>trên</i> tổng số các vụ án được Tòa án cấp tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm và đã tuyên sửa hoặc huỷ án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát. | ≥ 20% | | |
| 68 | 10 | Chất lượng kháng nghị: Số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp đã được | ≥ 90% đối với án dân sự | | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|--|---|--|---------|
| | Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị <i>trên</i> số vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm ngang cấp. | ≥ 85% đối với án hành chính, KDTM... | | |
| | Chất lượng kháng nghị: Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị <i>trên</i> số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử. | ≥ 70% | | |
| | Chất lượng kháng nghị: Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) <i>trên</i> tổng số vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm. | ≤ 5% đối với án dân sự; ≤ 15% đối với án hành chính, KDTM... | | |
| 69 | 11 | Phối hợp tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm. | 01 Kiểm sát viên ≥ 01 phiên tòa/01 năm. | |
| | | Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện trong việc ban hành thông báo trả lại đơn khởi kiện. | 100% | |
| 70 | 12 | Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục những vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện về: a) Những trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ có căn cứ nhưng Tòa án không thực hiện; b) Những vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án; c) Những vi phạm trong việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án; d) Những vi phạm trong việc ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; đ) Những vi phạm khác | 100% | |

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|------------|---|---|--|---------|
| | theo quy định của pháp luật. Các kiến nghị yêu cầu Tòa án và các cơ quan khác khắc phục vi phạm pháp luật được chấp nhận, tiếp thu | | | |
| 71 | 13 | Kiến nghị yêu cầu Tòa án và các cơ quan khác khắc phục vi phạm pháp luật được chấp nhận, tiếp thu. | ≥ 90% | |
| 72 | 14 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | |
| 73 | 15 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 01 thông báo/01 quý đối với công tác KS giải quyết án dân sự; ≥ 01 thông báo/01 quý đối với công tác KS giải quyết án hành chính, KDTM... | |
| 74 | 16 | Ban hành kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật. | ≥ 01 kiến nghị/01 năm đối với công tác KS giải quyết án dân sự; ≥ 01 kiến nghị/01 năm đối với công tác KS giải quyết án hành chính, KDTM... | |
| VI | Công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án | | | |
| 75 | 1 | Kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ và tham gia phiên họp. | 100% | |
| 76 | 2 | Kiểm sát việc quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn thời hạn áp dụng biện pháp hành chính tại Tòa án. | 100% | |
| 77 | 3 | Ban hành kiến nghị, kháng nghị yêu cầu Tòa án, cơ quan liên quan khắc phục vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã phát hiện. | 100% | |
| VII | Công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính | | | |
| 78 | 1 | Trực tiếp kiểm sát hoạt động thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự. | ≥ 01 lần/01 năm. | |

| STT | | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|---|----|--|---|--|---------|
| 79 | 2 | Kiểm sát về thời hạn ra quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án. | 100% | | |
| 80 | 3 | Kiểm sát và lập hồ sơ kiểm sát việc: xét miễn, giảm nghĩa vụ, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành, áp dụng thời hiệu, cưỡng chế, giải quyết khiếu nại. | 100% | | |
| 81 | 4 | Ban hành yêu cầu xác minh, áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi có căn cứ trong quá trình thi hành bản án, quyết định về tham nhũng, kinh tế, chức vụ, để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước. | 100% | | |
| 82 | 5 | Ban hành kháng nghị, kiến nghị. | ≥ 01 kiến nghị hoặc 01 kháng nghị/01 năm. | | |
| 83 | 6 | Ban hành kiến nghị, kháng nghị yêu cầu UBND, cơ quan liên quan khắc phục vi phạm pháp luật trong thi hành án hành chính mà Viện kiểm sát đã phát hiện. | 100% | | |
| 84 | 7 | Tỷ lệ kiến nghị, kháng nghị được chấp nhận, tiếp thu. | ≥ 90% | | |
| 85 | 8 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | | |
| 86 | 9 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 01 thông báo /01 quý | | |
| 87 | 10 | Kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ và tham gia phiên họp. | 100% | | |
| VIII Công tác kiểm sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp | | | | | |
| 88 | 1 | Tổ chức tiếp công dân đúng quy định của pháp luật. | 100% | | |

| STT | | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm 2021 | Chỉ tiêu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 | Ghi chú |
|-----|---|---|---------------------------------------|--|---------|
| 89 | 2 | Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn đúng quy định của pháp luật và của VKSND tối cao. | 100% | | |
| 90 | 3 | Quản lý, theo dõi, tổng hợp kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát. | 100% | | |
| 91 | 4 | Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát. | $\geq 95\%$ | | |
| 92 | 5 | Kiểm tra các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát. | $\geq 70\%$ | | |
| 93 | 6 | Trực tiếp kiểm sát hoặc áp dụng phương thức kiểm sát công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp. | ≥ 01 lần/01 năm. | | |
| 94 | 7 | Tỷ lệ kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp. | $\geq 70\%$ | | |
| 95 | 8 | Trả lời thỉnh thị đúng hạn. | 100% | | |
| 96 | 9 | Ban hành thông báo rút kinh nghiệm. | ≥ 02 thông báo/01 năm. | | |